



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

18.12.2025

# MARKET INSIGHTS REPORT

**NHÓM ĐẦU TƯ CÔNG ĐANG THU HÚT DÒNG TIỀN**

# NỘI DUNG CHÍNH

**03** Chuyển động thị trường

**05** TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

**06** Phân tích kỹ thuật  
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

**07** Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

**07** Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

**08** Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

**08** Tin tức kinh tế vĩ mô

**09** Biểu đồ trong ngày

**10** TTCK Mỹ  
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 364 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 141 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 150 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 73  |

### HNX

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 199 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 50  |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 74  |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 75  |

### UPCOM

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 332 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 121 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 112 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 99  |

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

|                      | Mua       | Bán        | Mua-Bán     |
|----------------------|-----------|------------|-------------|
| Khối lượng           | 64,696.55 | 114,819.14 | (50,122.60) |
| % KL toàn thị trường | 9.55%     | 16.95%     |             |
| Giá trị              | 2,173,685 | 3,025,258  | (851,574)   |
| % GT toàn thị trường | 11.70%    | 16.28%     |             |

### HNX

|                      | Mua      | Bán      | Mua-Bán  |
|----------------------|----------|----------|----------|
| Khối lượng           | 2,110.90 | 3,001.73 | (890.83) |
| % KL toàn thị trường | 9.55%    | 16.95%   |          |
| Giá trị              | 55,531   | 73,573   | (18,042) |
| % GT toàn thị trường | 5.91%    | 7.83%    |          |

### UPCOM

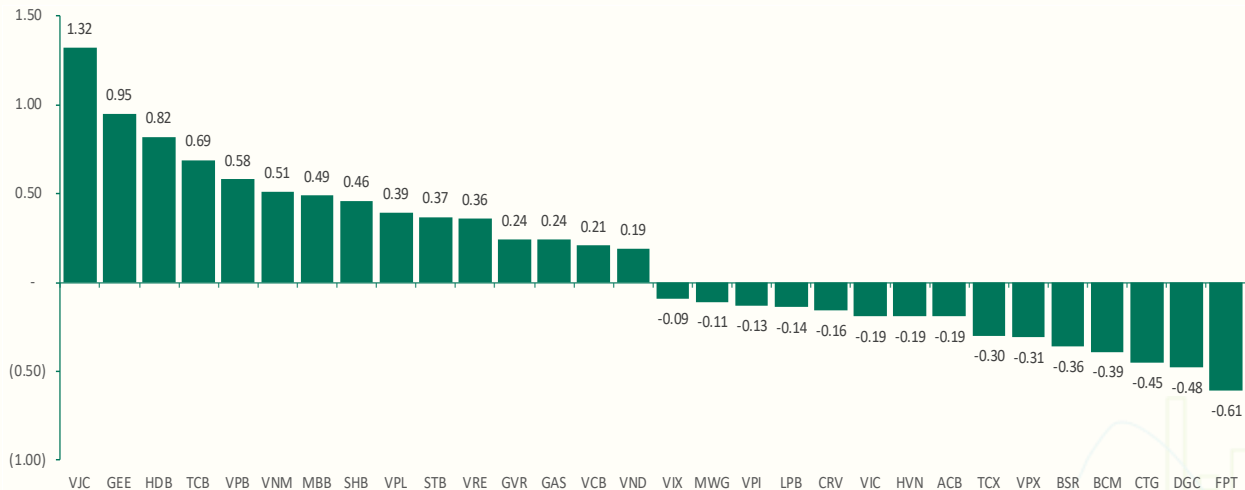
|                      | Mua    | Bán    | Mua-Bán  |
|----------------------|--------|--------|----------|
| Khối lượng           | 112.80 | 230.49 | (117.69) |
| % KL toàn thị trường | 0.38%  | 0.77%  |          |
| Giá trị              | 2,967  | 4,723  | (1,757)  |
| % GT toàn thị trường | 0.72%  | 1.14%  |          |

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

| STT | Mã CK | KL         | Giá     | Thay đổi        | P/E   | P/B  | EPS   | Vốn hóa |
|-----|-------|------------|---------|-----------------|-------|------|-------|---------|
| 1   | VIC   | 5,429,000  | 142,700 | -200 (-0.14%)   | 61.11 | 3.42 | 2,335 | 553,744 |
| 2   | VCB   | 3,075,800  | 56,800  | 100 (0.18%)     | 11.34 | 2.13 | 5,008 | 474,602 |
| 3   | VHM   | 3,362,700  | 94,900  | 0 (0%)          | 15.16 | 1.66 | 6,259 | 389,793 |
| 4   | BID   | 1,238,300  | 38,000  | 0 (0%)          | 9.77  | 1.59 | 3,890 | 266,812 |
| 5   | TCB   | 9,090,400  | 33,000  | 400 (1.23%)     | 10.60 | 1.30 | 3,113 | 233,846 |
| 6   | VPB   | 7,996,800  | 28,300  | 300 (1.07%)     | 10.87 | 1.41 | 2,603 | 224,530 |
| 7   | HPG   | 18,777,900 | 26,400  | 0 (0%)          | 12.24 | 1.59 | 2,157 | 202,632 |
| 8   | MBB   | 12,957,300 | 24,650  | 250 (1.02%)     | 6.08  | 1.49 | 4,051 | 198,556 |
| 9   | CTG   | 5,822,900  | 34,350  | -350 (-1.01%)   | 5.53  | 1.09 | 6,207 | 184,459 |
| 10  | FPT   | 4,115,500  | 94,400  | -1,500 (-1.56%) | 15.76 | 3.75 | 5,988 | 160,811 |

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành                                               | % Index (D) | % Index (YTD) | Số mã |
|-----------------------------------------------------|-------------|---------------|-------|
| Tất cả                                              | +0.14%      | +40.54%       | 1,599 |
| ▼ Tài chính                                         | +0.36%      | +22.87%       | 107   |
| → Tổ chức tín dụng                                  | +0.48%      | +22.35%       | 29    |
| → Dịch vụ tài chính                                 | -0.29%      | +30.63%       | 66    |
| → Bảo hiểm                                          | +0.63%      | +23.68%       | 13    |
| → Bất động sản                                      | -0.13%      | +148.52%      | 133   |
| ▼ Công nghiệp                                       | +0.68%      | +25.47%       | 401   |
| → Vận tải                                           | +0.44%      | +15.81%       | 117   |
| → Hàng hóa công nghiệp                              | +1.23%      | +44.75%       | 230   |
| → Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp               | -0.14%      | +43.24%       | 54    |
| → Nguyên vật liệu                                   | -0.38%      | +7.79%        | 284   |
| ▼ Tiêu dùng thiết yếu                               | +0.42%      | +13.08%       | 167   |
| → Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                    | +0.38%      | +13.48%       | 154   |
| → Thương mại hàng thiết yếu                         | +1.57%      | 0%            | 8     |
| → Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình             | +0.58%      | +5.44%        | 4     |
| ▼ Tiêu dùng không thiết yếu                         | +0.52%      | +29.19%       | 186   |
| → Thương mại hàng không thiết yếu                   | +0.25%      | +22.64%       | 60    |
| → Dịch vụ tiêu dùng                                 | +1.00%      | +13.61%       | 37    |
| → Thời trang và hàng lâu bền                        | +0.18%      | +61.87%       | 71    |
| → Xe và linh kiện                                   | +0.19%      | +0.29%        | 13    |
| → Tiện ích                                          | +0.12%      | +4.80%        | 153   |
| ▼ Dịch vụ truyền thông                              | -0.90%      | -29.80%       | 41    |
| → Dịch vụ viễn thông                                | -0.54%      | -31.48%       | 18    |
| → Truyền thông và giải trí                          | -0.27%      | +5.52%        | 23    |
| → Năng lượng                                        | -0.61%      | -2.12%        | 63    |
| ▼ Công nghệ thông tin                               | -1.58%      | -26.02%       | 16    |
| → Phần mềm và dịch vụ                               | -1.54%      | -27.04%       | 9     |
| → Phần cứng và thiết bị                             | -3.03%      | +128.07%      | 7     |
| ▼ Chăm sóc sức khỏe                                 | -0.85%      | +7.81%        | 68    |
| → Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống | -0.54%      | +12.36%       | 47    |
| → Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe             | +0.12%      | -38.86%       | 11    |

## Nhóm đầu tư công đang thu hút dòng tiền

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 3.32 điểm (+ 0.20%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Hàng hóa công nghiệp, dịch vụ tiêu dùng, bảo hiểm, tổ chức tín dụng, vận tải, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, thương mại hàng không thiết yếu, xe và linh kiện, thời trang hàng lâu bền, tiện ích ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như GEE, C4G, FCN, VCG, LCG, VPL, PVI, MIG, PGI, VCB, TCB, VPB, STB, SHB, TPB, VJC, VSC, VNM, SAB, VHC, ANV, MML, FRT, HUT, DGW, PET, DRC, TMT, VGT, MSH, GIL, GAS, NT2, GEG ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) FCN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá bám biên dải băng và dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ FCN đang hình thành sóng 3 tăng giá với mục tiêu 18 – 21;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

#### (ii) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPB vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge với kháng cự quanh mốc giá 29 – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại và cũng xác nhận sóng 4 điều chỉnh trung hạn đã kết thúc. NĐT cần quan sát giao dịch của VPB và mua tích lũy cổ phiếu lúc này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

#### (iii) STB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) với mô hình hai đáy giao dịch quanh hỗ trợ động MA(200) là tín hiệu cảnh báo sự đảo chiều tăng giá tích cực;
- ✓ Về kỹ thuật giao dịch, cây nến giảm điểm ngày 12/12/2025 là cây nến kéo tiêu cực và kháng cự là 48. NĐT thận trọng có thể chờ Break out cây nến này để mở lệnh mua vào;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

#### (iv) LCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng trên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành xu hướng tăng giá – NĐT tiếp tục nắm giữ cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

#### (v) ANV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ ANV hình thành 5 sóng và tăng chuỗi sóng giảm ABC. Sóng giảm A và sóng giảm C đối xứng với nhau nên nhiều khả năng vùng 26 là vùng đáy trung hạn của ANV. NĐT quan sát cổ phiếu này liệu có hình thành phân kỳ dương 2 đáy để mở lệnh mua vào;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

### (2) Phần mềm dịch vụ, dịch vụ viễn thông, năng lượng, nguyên vật liệu, dịch vụ tài chính, truyền thông giải trí, bất động sản... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.

Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, VGI, CTR, BSR, PVT, DGC, KSV, DCM, NKG, PHR, VCS, NKG, PTB, TCX, VIX, VPX, MBS, VNZ, BCM, IDC ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) NKG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ NKG vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge với kháng cự hiện tại là 16 và hỗ trợ quanh vùng giá 14 – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại;
- ✓ Trong ngắn hạn có thể vận động NKG theo hướng đi ngang tạo mô hình phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

#### (ii) IDC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ IDC đang trong sóng 4 điều chỉnh với hỗ trợ quanh vùng giá 35;
- ✓ Sóng 5 tăng giá nếu hình thành sẽ có mục tiêu giá 43 – 49;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;



# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Một vài điểm sáng tiếp tục xuất hiện ủng hộ xu hướng tăng của chỉ số

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 897 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MBB, TCB, VNM, SHB, GEX, MWG, VND, VPB, PVS, STB ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: DXS, VIC, FPT, HDB, DGC, SSI, CII, MBS, GMD, TCH...Hôm nay, cá nhân trong nước và tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn tổ chức nước ngoài, tự doanh, cá nhân nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index phục hồi vào cuối giờ giao dịch tạo nên một cây nến giao dịch đẹp. Đây là hình ảnh này cũng tương đối quen thuộc khi thị trường rũ đi ngang và giao dịch phục hồi tốt hơn dự kiến. Chúng tôi vẫn đánh giá cao khả năng VN-Index vận động theo “Sideway Up” với thanh khoản thu hẹp và sự phân hóa trên diện rộng diễn ra. Nhóm đầu tư công hiện tại có FCN đóng vai trò dẫn dắt đã có mức tăng giá tốt trong vài ngày qua và thiết lập mốc cao mới. Chúng tôi kỳ vọng dòng tiền sẽ tiếp tục lan tỏa sang VCG, DPG, LCG, HHV...nhờ hiệu ứng khởi công đồng loạt các dự án trong điểm vào ngày mai qua đó tạo nên một nhóm ngành dẫn dắt với mức 20% trở lên sau nhiều tháng điều chỉnh và các mã tăng giá đơn lẻ. Ngoài ra, chúng tôi quan sát nhiều mã cổ phiếu đơn lẻ bắt đầu xuất hiện tính đầu cơ như YEG, QCG...Điều này ít nhất tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện tại.

Các cổ phiếu tiền vào mạnh: NT2...

Các cổ phiếu mua tích lũy: MBB, NT2, VGT...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 07 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 21 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã PLX, VCB, STB, SSI, VNM, FPT...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 40% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ và kháng cự là 1,600 - 1,700 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu FCN



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

| Ticker  | Pivot   | BC      | TC      | NarrowRange | R1      | R2      | R3      | R4      | S1      | S2      | S3      | S4      |
|---------|---------|---------|---------|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| HNX30   | 542.96  | 542.3   | 543.63  | NO          | 546.85  | 549.39  | 553.28  | 555.82  | 540.42  | 536.53  | 533.99  | 530.1   |
| HNINDEX | 253.11  | 253.05  | 253.17  | YES         | 254.19  | 255.15  | 256.23  | 257.19  | 252.15  | 251.07  | 250.11  | 249.03  |
| UPINDEX | 118.93  | 119.03  | 118.84  | YES         | 119.54  | 120.32  | 120.93  | 121.71  | 118.15  | 117.54  | 116.76  | 116.15  |
| VN30    | 1897.32 | 1894.24 | 1900.39 | NO          | 1909.62 | 1915.78 | 1928.08 | 1934.24 | 1891.16 | 1878.86 | 1872.7  | 1860.4  |
| VNINDEX | 1673.06 | 1671.09 | 1675.02 | NO          | 1680.9  | 1684.83 | 1692.67 | 1696.6  | 1669.13 | 1661.29 | 1657.36 | 1649.52 |
| VNXALL  | 2815.04 | 2811.06 | 2819.01 | NO          | 2830.94 | 2838.9  | 2854.8  | 2862.76 | 2807.08 | 2791.18 | 2783.22 | 2767.32 |
| VN30FIM | 1895.03 | 1893    | 1897.07 | NO          | 1906.07 | 1913.03 | 1924.07 | 1931.03 | 1888.07 | 1877.03 | 1870.07 | 1859.03 |
| VN30FIQ | 1897.53 | 1894.95 | 1900.12 | NO          | 1915.07 | 1927.43 | 1944.97 | 1957.33 | 1885.17 | 1867.63 | 1855.27 | 1837.73 |
| VN30F2M | 1899.6  | 1895.9  | 1903.3  | NO          | 1917.4  | 1927.8  | 1945.6  | 1956    | 1889.2  | 1871.4  | 1861    | 1843.2  |
| VN30F2Q | 1894.8  | 1892.45 | 1897.15 | NO          | 1909.6  | 1919.7  | 1934.5  | 1944.6  | 1884.7  | 1869.9  | 1859.8  | 1845    |
| BCM     | 61.43   | 61.5    | 61.37   | NO          | 62.87   | 64.43   | 65.87   | 67.43   | 59.87   | 58.43   | 56.87   | 55.43   |
| ACB     | 23.88   | 23.9    | 23.87   | YES         | 23.97   | 24.08   | 24.17   | 24.28   | 23.77   | 23.68   | 23.57   | 23.48   |
| BID     | 38.07   | 38.1    | 38.03   | YES         | 38.23   | 38.47   | 38.63   | 38.87   | 37.83   | 37.67   | 37.43   | 37.27   |
| BVH     | 53.6    | 53.7    | 53.5    | NO          | 54      | 54.6    | 55      | 55.6    | 53      | 52.6    | 52      | 51.6    |
| CTG     | 34.35   | 34.35   | 34.35   | YES         | 34.75   | 35.15   | 35.55   | 35.95   | 33.95   | 33.55   | 33.15   | 32.75   |
| FPT     | 94.63   | 94.75   | 94.52   | NO          | 95.37   | 96.33   | 97.07   | 98.03   | 93.67   | 92.93   | 91.97   | 91.23   |
| GAS     | 63.17   | 63.1    | 63.23   | NO          | 63.93   | 64.57   | 65.33   | 65.97   | 62.53   | 61.77   | 61.13   | 60.37   |
| GVR     | 26.47   | 26.42   | 26.51   | NO          | 26.73   | 26.92   | 27.18   | 27.37   | 26.28   | 26.02   | 25.83   | 25.57   |
| HDB     | 25.45   | 25.38   | 25.52   | NO          | 26.15   | 26.7    | 27.4    | 27.95   | 24.9    | 24.2    | 23.65   | 22.95   |
| HPG     | 26.4    | 26.4    | 26.4    | YES         | 26.55   | 26.7    | 26.85   | 27      | 26.25   | 26.1    | 25.95   | 25.8    |
| LPB     | 43.62   | 43.53   | 43.71   | NO          | 44.38   | 44.97   | 45.73   | 46.32   | 43.03   | 42.27   | 41.68   | 40.92   |
| MBB     | 24.53   | 24.48   | 24.59   | NO          | 24.82   | 24.98   | 25.27   | 25.43   | 24.37   | 24.08   | 23.92   | 23.63   |
| MSN     | 73.97   | 73.95   | 73.98   | YES         | 74.43   | 74.87   | 75.33   | 75.77   | 73.53   | 73.07   | 72.63   | 72.17   |
| MWG     | 81.23   | 81.05   | 81.42   | NO          | 81.97   | 82.33   | 83.07   | 83.43   | 80.87   | 80.13   | 79.77   | 79.03   |
| PLX     | 34.85   | 34.88   | 34.83   | YES         | 35.1    | 35.4    | 35.65   | 35.95   | 34.55   | 34.3    | 34      | 33.75   |
| SAB     | 50.23   | 50.25   | 50.22   | YES         | 50.67   | 51.13   | 51.57   | 52.03   | 49.77   | 49.33   | 48.87   | 48.43   |
| SHB     | 16      | 15.95   | 16.05   | NO          | 16.35   | 16.6    | 16.95   | 17.2    | 15.75   | 15.4    | 15.15   | 14.8    |
| SSB     | 17.33   | 17.28   | 17.39   | NO          | 17.57   | 17.68   | 17.92   | 18.03   | 17.22   | 16.98   | 16.87   | 16.63   |
| SSI     | 29.77   | 29.73   | 29.81   | NO          | 30.18   | 30.52   | 30.93   | 31.27   | 29.43   | 29.02   | 28.68   | 28.27   |
| STB     | 47.63   | 47.45   | 47.82   | NO          | 48.37   | 48.73   | 49.47   | 49.83   | 47.27   | 46.53   | 46.17   | 45.43   |
| TCB     | 32.87   | 32.8    | 32.93   | NO          | 33.23   | 33.47   | 33.83   | 34.07   | 32.63   | 32.27   | 32.03   | 31.67   |
| TPB     | 16.62   | 16.58   | 16.66   | NO          | 16.78   | 16.87   | 17.03   | 17.12   | 16.53   | 16.37   | 16.28   | 16.12   |
| VCB     | 57      | 57.1    | 56.9    | NO          | 57.3    | 57.8    | 58.1    | 58.6    | 56.5    | 56.2    | 55.7    | 55.4    |
| VHM     | 94.47   | 94.25   | 94.68   | NO          | 95.43   | 95.97   | 96.93   | 97.47   | 93.93   | 92.97   | 92.43   | 91.47   |
| VIB     | 17.53   | 17.55   | 17.52   | YES         | 17.62   | 17.73   | 17.82   | 17.93   | 17.42   | 17.33   | 17.22   | 17.13   |
| VIC     | 141.8   | 141.35  | 142.25  | NO          | 143.9   | 145.1   | 147.2   | 148.4   | 140.6   | 138.5   | 137.3   | 135.2   |
| VJC     | 190.93  | 189.45  | 192.42  | NO          | 198.97  | 204.03  | 212.07  | 217.13  | 185.87  | 177.83  | 172.77  | 164.73  |
| VPB     | 28.1    | 28      | 28.2    | NO          | 28.5    | 28.7    | 29.1    | 29.3    | 27.9    | 27.5    | 27.3    | 26.9    |
| VRE     | 30.15   | 30.05   | 30.25   | NO          | 30.75   | 31.15   | 31.75   | 32.15   | 29.75   | 29.15   | 28.75   | 28.15   |
| VNM     | 63.6    | 63.45   | 63.75   | NO          | 64.3    | 64.7    | 65.4    | 65.8    | 63.2    | 62.5    | 62.1    | 61.4    |

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

| Ticker     | Volume           | AvgVolume 10 Days | Change %      | Daily Returns % |
|------------|------------------|-------------------|---------------|-----------------|
| QCG        | 7,602,500        | 1,849,530         | 411           | 4.29            |
| YEG        | 5,512,400        | 1,756,360         | 314           | 6.98            |
| PBC        | 3,415,800        | 25,110            | 13,603        | 11.48           |
| <b>AGR</b> | <b>2,045,200</b> | <b>755,390</b>    | <b>270.75</b> | <b>6.09</b>     |
| NT2        | 1,770,700        | 657,180           | 269           | 3.45            |
| HSL        | 1,649,200        | 563,090           | 293           | -3.97           |
| <b>KLB</b> | <b>960,300</b>   | <b>420,830</b>    | <b>228.19</b> | <b>1.84</b>     |
| ITD        | 703,500          | 87,800            | 801           | 6.21            |
| BCM        | 589,700          | 190,760           | 309           | -2.54           |
| <b>VPG</b> | <b>513,600</b>   | <b>149,420</b>    | <b>343.73</b> | <b>-3.74</b>    |
| NAG        | 499,500          | 116,330           | 429           | 4.94            |
| ANT        | 396,100          | 49,980            | 793           | 7.85            |
| GCF        | 391,500          | 46,660            | 839           | 15.19           |
| AMS        | 329,100          | 86,760            | 379           | 0               |
| <b>HVH</b> | <b>320,200</b>   | <b>155,150</b>    | <b>206.38</b> | <b>1.79</b>     |
| PAT        | 305,400          | 91,450            | 334           | 0.45            |
| TCO        | 260,200          | 129,500           | 201           | 0               |
| FID        | 228,800          | 48,680            | 470           | 5.26            |
| SEA        | 183,800          | 32,010            | 574           | -3.03           |
| <b>ACG</b> | <b>182,200</b>   | <b>32,480</b>     | <b>560.96</b> | <b>2.61</b>     |
| PTL        | 167,500          | 41,060            | 408           | -4.75           |
| TMT        | 157,300          | 30,220            | 521           | 6.83            |
| CDP        | 145,200          | 63,020            | 230           | 0.85            |
| CMN        | 138,300          | 14,690            | 941           | 18.03           |
| <b>TSA</b> | <b>112,400</b>   | <b>55,460</b>     | <b>202.67</b> | <b>2.88</b>     |
| ILS        | 109,900          | 19,480            | 564           | 2.25            |
| LBM        | 77,000           | 31,990            | 241           | -0.14           |
| VMG        | 60,700           | 2,970             | 2,044         | 12.12           |
| SCL        | 57,800           | 16,230            | 356           | -2.11           |
| VGR        | 53,500           | 13,900            | 385           | -1.23           |
| HD6        | 52,500           | 5,380             | 976           | 3.51            |
| DSP        | 50,700           | 3,730             | 1,359         | 37.93           |
| L18        | 49,300           | 9,220             | 535           | 0               |
| AIG        | 45,400           | 7,160             | 634           | 1.81            |
| KHS        | 45,300           | 21,440            | 211           | 1.79            |
| LHC        | 44,600           | 17,880            | 249           | 0.79            |
| SAV        | 44,100           | 11,290            | 391           | 3.42            |
| SD9        | 38,400           | 7,040             | 545           | 0               |
| SHN        | 31,300           | 14,840            | 211           | 0               |
| TSB        | 30,700           | 8,340             | 368           | -4.86           |

- Lưu ý: QCG, YEG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

| Ngày khuyến nghị | Mã CK | Khuyến nghị hành động | Giá mua/bán | Hiệu suất sinh lời | Ghi chú                                            |
|------------------|-------|-----------------------|-------------|--------------------|----------------------------------------------------|
| 18-Dec           | C4G   | Mua                   | ≤ 9.2       | 10% -20%           | Mô hình đáy vòng với khối lượng giao dịch tăng lên |
| 18-Dec           | VND   | Mua                   | ≤ 20        | 10% -20%           | Mua PullBack MA(200)                               |

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 17/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.146 VND/USD, tăng 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.939 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.353 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.335 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên 16/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 50 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.900 VND/USD và 26.950 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 17/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,05 – 0,80 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 4,50%; 1W 5,00%; 2W 6,50% và 1M 7,10%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 3,70%; 1W 3,76%; 2W 3,82%, 1M 3,90%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn 3Y và 15Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 3,02%; 5Y 3,22%; 7Y 3,48%; 10Y 3,99%; 15Y 4,06%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 17/12, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 7 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Không có khối lượng trúng thầu ở cả 3 kỳ hạn. Có 6.897,10 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 6.897,10 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua. Có 360.686,75 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 17/12, KBNN đấu thầu thành công 13.550 tỷ đồng/16.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 85%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 500 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 10Y huy động được 13.050 tỷ đồng/14.000 tỷ đồng gọi thầu. Các kỳ hạn 15Y và 30Y gọi thầu lần lượt 1.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,18% (+0,02 đpt so với phiên đấu thầu trước), kỳ hạn 10Y là 3,96% (+0,04 đpt);

## Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

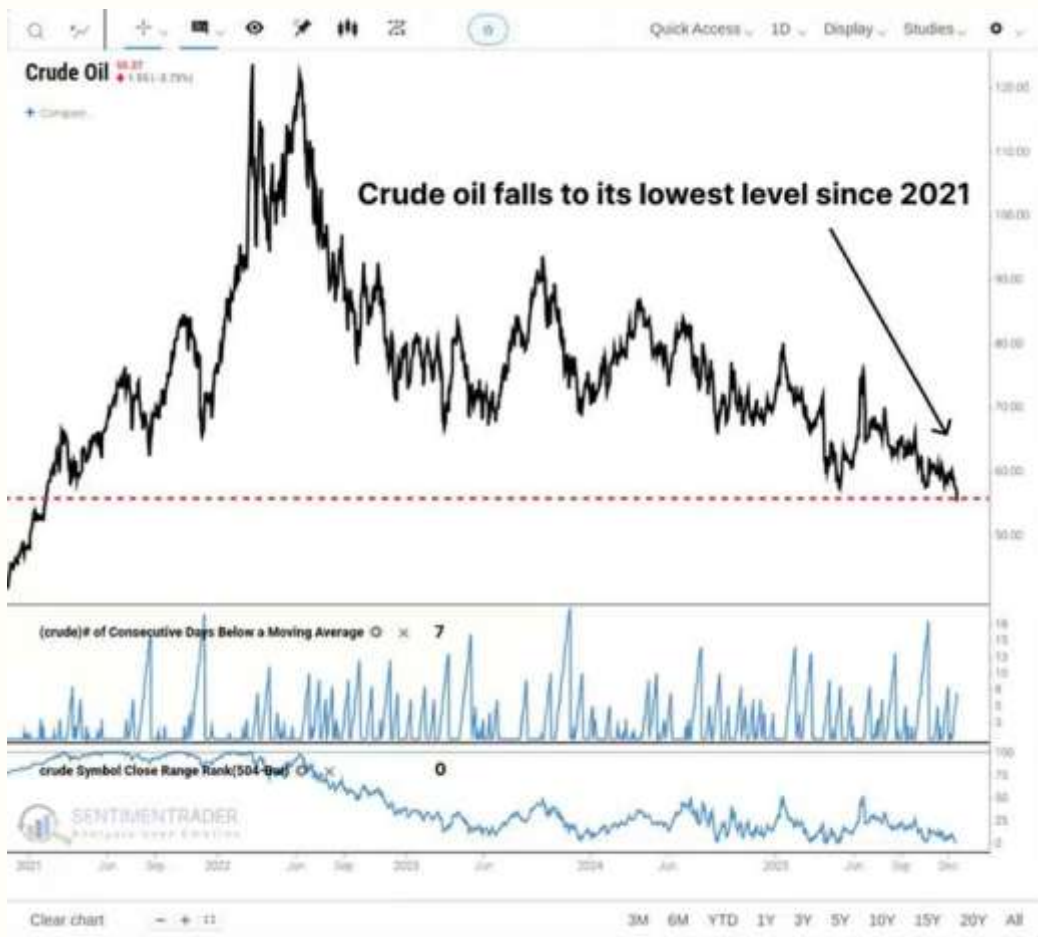
## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



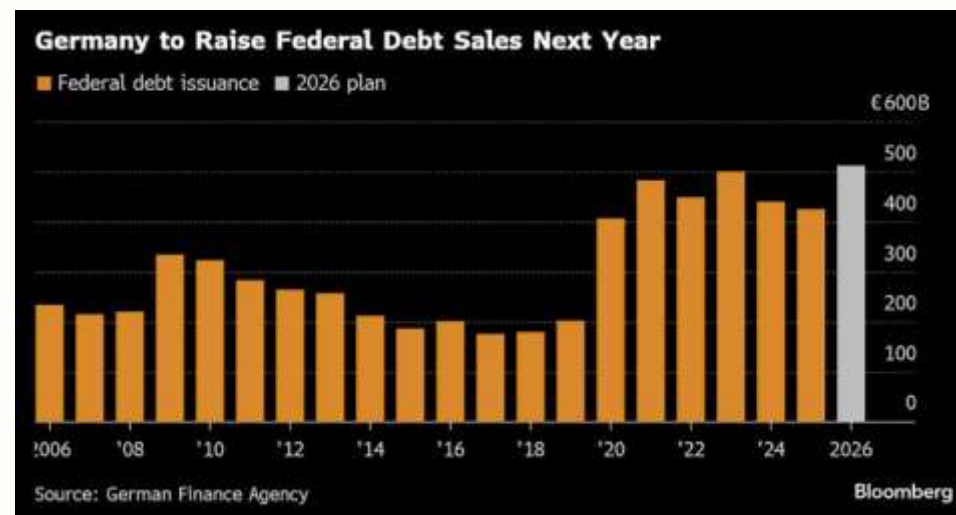
# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Giá dầu rơi xuống mức thấp nhất kể từ năm 2021



Đức sẽ kích thích tăng trưởng kinh tế bằng nợ vay

Liệu Đức có đang gia nhập mô hình tăng trưởng dựa trên nợ? Sau nhiều năm tự phá hủy khả năng cạnh tranh, ngành công nghiệp sản xuất và an ninh của mình, quốc gia này sẽ phát hành một lượng nợ kỷ lục vào năm tới: 512 tỷ USD. Không giống như nhiều quốc gia khác (trong khu vực đồng euro), Đức có đủ khả năng chi trả. Nhưng với tốc độ tăng trưởng GDP gần bằng 0, câu hỏi quan trọng là: Liệu đã quá muộn? Và nếu vậy, ai phải chịu trách nhiệm?



# TTCK MỸ

## Chờ đợi tin tức CPI của Mỹ

Ngành bán dẫn đang rời xa hỗ trợ MA(50) – Tín hiệu tiêu cực



S&P 500 xuống thấp hơn hỗ trợ động MA(50)



Các ước lượng của GS cho thấy biên lãi ròng sẽ tiếp tục gia tăng



Nasdaq đang thử thách hỗ trợ động MA(50)



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



**(\*)Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

### CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>  
 1900 1811  
 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)



TRẢI NGHIỆM NGAY

